

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/DS-PT

Ngày: 04-9-2019

V/v yêu cầu chia di sản thừa kế

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Th phân Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Hải Yến

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Ông Trần Xuân Bằng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2019/TLPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2019 về “*yêu cầu chia di sản thừa kế*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DSST ngày 05/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Th Th, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXPT-DS ngày 05 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2019/QĐ-PT ngày 16/8/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Thôn 1, H Đ, xã Th L, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn:

+ Bà Trần Thị S, sinh năm 1960; Nơi cư trú: Số nhà 238, khu 6, thị trấn D Đ, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình.

+ Ông Trần Văn Th, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Số nhà 237, khu 6, thị trấn D Đ, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình.

+ Ông Trần Quốc M (B), sinh năm 1974; Nơi cư trú: Số nhà 239, khu 6, thị trấn D Đ, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình.

+ Bà Trần Thị H1, sinh năm 1956; Nơi cư trú: Thôn V H Tr, xã Th H, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo:

Bà Ngô Thị L, sinh năm 1969

Nơi cư trú; Số nhà 237, khu 6, thị trấn D Đ, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình
(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- **Nguyên đơn – bà Trần Thị H trình bày:** Bố mẹ bà là cụ Trần Quốc Ph và cụ Đào Thị Nh sinh được 05 người con là Trần Thị H1, Trần Thị S, Trần Văn Th, Trần Thị H, Trần Quốc M. Bố mẹ bà không có con riêng, không có con nuôi. Khi còn sống bố mẹ bà tạo lập được khối tài sản chung gồm 330m² đất ở và 145,9m² đất vượt do coi nói thuộc khu 6 thị trấn D Đ, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình. Trên đất có các tài sản là 01 ngôi nhà ngói ba gian, 01 giếng nước, 01 bếp, 01 cây bưởi. Bố mẹ bà H đều chết năm 1998, khi chết hai cụ đều không để lại di chúc. Năm 2003 bà S xây nhà trên một phần diện tích đất đó, năm 2007 ông Th cũng xây dựng trên một phần đất đó, năm 2007 ông M vẫn sinh sống trên ngôi nhà ba gian do bố mẹ bà để lại. Ngày 18/01/2011, 05 anh chị em bà H đã thỏa thuận chia di sản đó và đến UBND thị trấn D Đ yêu cầu đo đạc đất nhưng sau đó ông Th đã thay đổi không nhất trí với thỏa thuận này, sau khi phân chia đất năm 2011, ông M đã dỡ toàn bộ nhà, bếp, giếng của bố mẹ bà để lại để xây nhà hai tầng kiên cố, hiện nay thửa đất trên có ông Th, bà S và ông M sinh sống. Đến nay, do các anh em bà H tranh chấp, không thỏa thuận được về cách chia di sản thừa kế nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia toàn bộ di sản thừa kế do bố mẹ bà để lại gồm: 330m² đất thổ cư và 156,6m² đất vượt tại thửa số 23, 24 thuộc khu 6 thị trấn D Đ, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình. Bà H không yêu cầu Tòa án phân chia các tài sản trên đất mà bố mẹ bà để lại. Bà đề nghị Tòa án chia cho bà diện tích lô đất trồng, diện tích 81m² giáp lô đất ông M và bà S, trong đó có tứ cận: cạnh Bắc giáp ngõ đi chung dài 4,13m, cạnh Nam giáp ngõ và đất ông M1 dài 3,75m, cạnh Tây giáp đất ông M dài 20,29m, cạnh Đông giáp đất bà S dài 21,17m.

Bị đơn – ông Trần Văn Th trình bày: Ông xác định bố mẹ ông có 05 con chung, không có con nuôi, không có con riêng đúng như bà H trình bày. Năm 1998 bố mẹ ông chết có để lại di sản là diện tích đất tại khu 6 thị trấn D Đ nhưng ông không biết cụ thể diện tích là bao nhiêu. Phần diện tích đất vượt giáp lô đất bà Hương và bà Tuyn là do vợ chồng ông quật lập từ năm 1983; đến năm 1992 vợ chồng ông xây dựng nhà, bếp, giếng nước trên phần đất quật lập đó. Ngày 18/11/2011 anh em ông thỏa thuận về việc chia di sản thừa kế, ông có ký biên

bản thỏa thuận nhưng mấy tháng sau ông không đồng ý và đã có đơn yêu cầu UBND thị trấn D Đ hủy biên bản trên. Nay bà H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế do bố mẹ ông để lại, quan điểm của ông là không đồng ý vì khi bố mẹ ông ốm đau bà H1, bà H không chăm sóc phụng dưỡng nên không được quyền chia đất. Ông Th trình bày, khi bố mẹ ông chết có di chúc bằng miệng là chia tài sản của bố mẹ ông Th ba phần cho ông, ông M và bà S nhưng không có ai làm chứng về việc di chúc bằng miệng ngoài vợ chồng ông. Ông Th không đồng ý chia phần đất do vợ chồng ông tự quật lập vì cho rằng đất đó là của vợ chồng ông nên không yêu cầu Tòa án định giá đối với phần đất này.

Bà Trần Thị S trình bày: Bà S xác định phần trình bày của bà Trần Thị H là đúng. Năm 1999 bà xây móng nhà, sau đó xây nhà 1 tầng và các công trình phụ trên diện tích 99,4m² nằm trong diện tích đất của bố mẹ bà để lại. Nay bà H khởi kiện, bà S đề nghị Tòa án chia theo quy định của pháp luật. Bà S xin được chia diện tích đất theo biên bản thẩm định ngày 17/01/2019 vì bà S đã xây dựng nhà trên phần đất.

Bà Trần Thị H1 trình bày: Bà H1 xác định phần trình bày của bà Trần Thị H là đúng và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Bà H1 xin nhận phần diện tích đất giáp đất ông M và bà S đúng như biên bản thỏa thuận ngày 18/11/2011.

Ông Trần Quốc M trình bày: Ông M cũng thống nhất với lời khai của bà H về di sản thừa kế, hàng thừa kế là đúng và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông xin nhận diện tích đất mà ông đang ở vì ông đã xây dựng nhà hai tầng kiên cố trên đất.

Bà Ngô Thị L (vợ ông Th) trình bày: Bà kết hôn với ông Th năm 1992 nên bà không tham gia quật lập thửa đất. Nhưng năm 1992 hai vợ chồng bà cùng xây nhà lợp brô xi măng, bếp, giếng, nhà tắm và tường dậu, năm 2017 vợ chồng bà làm đường ống nước thải sinh hoạt. Bà L đề nghị Tòa án xem xét đối với tài sản này.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện Th Th trình bày: Thửa đất số 88 tờ bản đồ 299 tại xã Thụy Lương cũ nay là khu 6 thị trấn D Đ huyện Th Th, tỉnh Thái Bình có diện tích là 330m² mang tên chủ sử dụng đất là cụ Trần Quốc Ph và cụ Đào Thị Nh từ năm 1980. Theo biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới hiện trạng thửa đất ngày 10/8/2003 xác định tại thửa đất 88 có gia đình ông Th, bà S, ông M đang ở và thửa đất 88 tách làm 2 là thửa đất số 23 có diện tích 212,7m² và thửa đất số 24 có diện tích là 263,2m². Tổng diện tích hai thửa là 475,9m², tăng lên 145,9m². Việc tách 2 thửa đất không ảnh hưởng đến hạn mức đất ở 330m². Lý do diện tích đất tăng là do cụ Ph, cụ Nh quật lập, coi nói trước ngày 15/10/1993, tăng đều về các cạnh Đông, Tây, Nam,

Bắc so với bản đồ 299, việc tăng chủ yếu do coi nói sang đất lúa màu của thửa 68 có diện tích 1125m².

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị trấn D Đ, huyện Th Th trình bày: Tại biên bản đo đạc ranh giới, mốc giới năm 2003 thì thửa đất số 88 tờ bản đồ 299 của cụ Ph, cụ Nh hiện đang do gia đình ông Th, gia đình ông M, gia đình bà S sinh sống, họ tự yêu cầu chính quyền địa phương tách thành hai thửa đất là 23 và 24 với tổng diện tích 475,9m² tăng lên 145,9m². Nguyên nhân đất tăng do cụ Ph, cụ Nh quật lập, coi nói trước ngày 15/10/1993. Nay bà H tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế, đề nghị Tòa án chia theo quy định của pháp luật, nên chia đều diện tích đất ở và diện tích đất tăng thêm vì phần diện tích đất tăng không vi phạm quy hoạch, không tranh chấp với các hộ liền kề.

Theo kết quả đo đạc của công ty TNHH Lạc Việt thì phần diện tích đất tăng lên là 156,6m² so với bản đồ 299.

Ông Đào T – trình bày: Ngày 11/12/2012 ông đã xác nhận diện tích đất anh Th lấn và quật lập là đúng sự thật, đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ông T khẳng định ông không chứng kiến việc quật lập đất của ông Th, bà L.

- Bản án số 03/2019/DS-ST ngày 05/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Th Th, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Áp dụng Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự ; Điều 609;611;612;613;614;623; 649;650,651; 660;Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc chia di sản thừa kế:

1. Xác định hàng thừa kế thừa nhất của cụ Nh và cụ Ph được hưởng di sản thừa kế là: bà Trần Thị H, ông Trần Văn Th, bà Trần Thị S, ông Trần Quốc M (tên gọi khác là B), bà Trần Thị H1.

2. Công nhận di sản của cụ Nh cụ Ph là diện tích 486,6m² trong đó 330m² đất ở và 156,6m² đất LNK tại thửa đất số 23 và thửa số 24 tờ bản đồ 7 khu 6 thị trấn D Đ huyện Th Th, tỉnh Thái Bình trị giá: 1.162.047.000 đồng được chia theo pháp luật theo kỹ phần mỗi người được hưởng trị giá: 232.409.000 đồng.

Di sản thừa kế được chia như sau:

- Giao cho ông M hưởng di sản thừa kế là diện tích 91,7m² trị giá: 232.151.000đồng trong đó 66 m² đất ở và 25,7m² đất LNK còn thiếu 5,62m² đất LNK tương đương 252.000đồng (trên đất vợ chồng ông M đã xây dựng nhà 2 tầng kiên cố có tứ cận (có sơ đồ kèm theo)

Cạnh bắc giáp ngõ đi chung dài: 4,57m

Cạnh nam giáp ngõ và đất nhà ông M1 dài: 3,77m +0,83m

Cạnh tây giáp ngõ nhỏ dài: 19,39m

Cạnh đông giáp đất trống (bà H): 20,29m

- Giao cho bà H hưởng di sản thừa kế là diện tích 81m² trị giá: 231.474.000đồng trong đó 66m² đất ở và 15m² đất LNK (còn thiếu 16,32m² đất LNK tương đương 734.000đồng). Trên đất còn bức tường cũ nhà cụ Nh, 01 cổng sắt nhỏ (có sơ đồ kèm theo)

Cạnh bắc giáp ngõ đi chung dài: 4,12m

Cạnh nam giáp ngõ và đất nhà ông M1 dài: 3,75m

Cạnh tây giáp ông M dài: 20,29m

Cạnh đông giáp đất (bà S) dài: 21,17m

- Giao cho bà S hưởng di sản thừa kế là diện tích 99,7m² trị giá: 232.516.000đồng trong đó 66m² và 33,7m² đất LNK (thừa 2,38m² đất LNK tương đương 107.000đồng). Trên đất bà S xây 01 nhà mái, công trình phụ có tứ cận (có sơ đồ kèm theo)

Cạnh bắc giáp ngõ đi chung dài: 4,41m

Cạnh nam giáp ngõ và đất nhà ông M1 dài: 4,74m

Cạnh tây giáp bà H dài: 21,17m

Cạnh đông giáp đất (ông Th) dài: 13,97m +8,46m

- Giao cho ông Th hưởng di sản thừa kế là diện tích 110,8m² trị giá: 233.016.000đồng trong đó 66m² đất ở và 44,8m² đất LNK (thừa 13,48m² đất LNK tương đương 606.000đồng). Trên đất ông Th có nhà mái bằng 1 tầng, 01 công trình phụ có tứ cận (có sơ đồ kèm theo)

Cạnh bắc giáp ngõ đi chung dài: 4,59m

Cạnh nam giáp ngõ và đất nhà ông M1 dài 0,82m +1,6m +1,92m +0,39m +0,92m

Cạnh tây giáp bà S dài: 13,97m+ 8,46m

Cạnh đông giáp đất (bà H1) dài:15,21+8,27m

- Giao cho bà H1 hưởng di sản thừa kế là diện tích 103,4m² trị giá: 232.638.000đồng trong đó 66m² đất ở và 37,4m² đất LNK (thừa 6,08m² đất LNK tương đương 273.000đồng). Trên đất có 01 cây bưởi, 01 nhà cũ, 01 bếp, 01 giếng, có tứ cận có sơ đồ kèm theo.

Cạnh bắc giáp ngõ đi chung dài: 3,41m

Cạnh nam giáp ngõ và đất nhà ông M1 dài: 3,85m+1,2m +1,35m

Cạnh tây giáp ông Th dài: 15,21m+8,22m

Cạnh đông giáp đất (bà Tuyn, ông Tuấn Hương): 3,38m + 8,31m+ 4,7m + 6.07m

- Về chi phí tố tụng: Chi phí định giá là 2.000.000đồng, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000đồng, chi phí thuê Công ty TNHH Lạc Việt hỗ trợ đo đạc là 6.500.000đồng được chia đều theo kỹ phần mỗi người phải chịu 1.900.000đồng (bà H đã nộp tạm ứng 9.500.000đồng)

Bà H1 phải thanh toán cho ông Th 11.250.000đồng (tiền công quật lập và tôn tạo di sản), thanh toán cho ông Th và bà L 7.206.000đồng (giá trị tài sản trên đất), thanh toán cho ông M 273.000đồng tương đương thừa 6,08m² đất LNK), thanh toán cho bà H 1.900.000đồng (chi phí tố tụng)

Ông M thanh toán cho ông Th 11.250.000đồng (tiền công quật lập và tôn tạo di sản), thanh toán cho bà H 1.900.000đồng (chi phí tố tụng)

Bà H thanh toán cho ông Th 11.250.000 (tiền công quật lập và tôn tạo di sản) trừ (606.000đồng tương đương thừa 13,48m² đất LNK + 1.900.000đồng chi phí tố tụng) còn phải thanh toán 8.744.000đồng

Bà S thanh toán cho ông Th 11.250.000đồng (tiền công quật lập và tôn tạo di sản), thanh toán cho bà H 1900.000đồng chi phí tố tụng và 107.000đồng tương đương thừa 2,38m² đất LNK

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 23/4/2019, ông Trần Văn Th kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không đồng ý với kết quả đo đạc của công ty đo đạc tại cấp sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành đo đạc lại và phân chia lại di sản thừa kế. Tại biên bản làm việc tại Tòa án cấp phúc thẩm ngày 08/7/2019 ông Th trình không yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định lại tài sản tranh chấp. Ông Th yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm phân chia di sản thừa kế theo hướng chia 330m² do bố mẹ ông để lại thành 06 phần bằng nhau, ông Th là con trai trưởng nên được 02 phần, còn đối phần diện tích đất tăng lên là do vợ chồng ông quật lập nên yêu cầu Tòa án giao cho vợ chồng ông được quyền sử dụng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông Th giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án. Ông Th trình bày ông chỉ đồng ý phân chia 330m² đất là di sản của bố mẹ ông, còn phần tăng thêm 156,6m² là do ông quật lập khoảng năm 1988, 1989, phần này trước đây là đất hoang, ông có mua đất, gạch về lấp hố vôi và đến năm 1992 thì xây nhà, công trình phụ và sinh sống trên phần diện tích đất này, trên đất còn một cây bưởi do mẹ ông trồng khoảng năm 1995, 1996.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1

Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trần Văn Th làm trong thời hạn kháng cáo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, là kháng cáo hợp lệ, được đưa ra xem xét tại phiên tòa phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Trần Văn Th thấy:

[2.1] Về yêu cầu không đồng ý với kết quả đo đạc của công ty đo đạc tại cấp sơ thẩm xét thấy tại Tòa án cấp phúc thẩm ông Th đã được Tòa án giải thích về quyền được yêu cầu đo đạc lại tài sản tranh chấp nhưng ông Th không làm các thủ tục để yêu cầu đo đạc lại tài sản nên Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên kết quả đo đạc của Tòa án cấp sơ thẩm.

[2.2] Về việc xác định di sản thừa kế:

Theo bản đồ 299, diện tích đất của cụ Ph, cụ Nh tại thửa số 88, có diện tích 330m² thuộc xã Th L, nay thuộc khu 6, thị trấn D Đ, huyện Th Th mang tên chủ sử dụng là cụ Trần Quốc Ph và Đào Thị Nh. Theo đo đạc hiện trạng ngày 10/8/2003 thửa đất số 88 tách làm 2 thửa gồm thửa số 23 diện tích 212,7m² và thửa số 24 diện tích 263,2m²; tổng diện tích hai thửa là 475,9m² tăng lên 145,9m², việc tách thửa là do các gia đình đang sinh sống trên thửa đất yêu cầu. Theo kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm thì diện tích thửa đất là 486,6m², tăng lên 156,6m²

Bà H, bà S, bà H1, ông M đều thống nhất khai di sản thừa kế mà cụ Ph, cụ Nh để lại gồm 330m² đất ở và 156,6m² đất vượt (do hai cụ quật lập được khi hai cụ còn sống) tại khu 6 thị trấn D Đ, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình. Ông Th xác định di sản mà bố mẹ ông để lại chỉ có 330m² đất ở tại thửa đất tranh chấp, còn phần đất tăng lên theo đo đạc 156,6m² là do vợ chồng ông quật lập lên, phần tăng lên về phía đông thửa đất. Xét thấy, ông Th cho rằng phần diện tích 156,6m² tăng lên là do một mình ông quật lập nhưng ông không đưa ra được căn cứ nào ngoài việc xác nhận của ông Đào Trọng T phó trưởng khu 6 trong đơn đề nghị năm 2012 của ông Th, tuy nhiên trong đơn gửi Tòa án cấp sơ thẩm, ông T trình bày không chứng kiến việc vợ chồng ông Th quật lập, coi nới đất. Theo tài liệu do Phòng Tài nguyên và môi trường Ủy ban nhân dân huyện Th Th, UBND thị trấn D Đ cung cấp thì phần diện tích đất tăng lên do cụ Nh, cụ Ph coi nới, tạo lập từ thời điểm trước ngày 15/10/1993, kích thước các cạnh đều tăng so với

kích thước thể hiện trên bản đồ 299, chủ yếu coi nói, tạo lập sang phần thửa đất 68 (phía đông). Mặt khác, năm 2011 các anh chị em nhà ông Th có đơn đề nghị và đã được UBND thị trấn D Đ hòa giải về việc phân chia di sản của bố mẹ để lại gồm 330m² đất ở và 145,9m² đất lâu năm khác, ông Th đồng ý ký vào biên bản hòa giải, không có ý kiến gì đối với phần diện tích đất tăng thêm. Tuy nhiên sau đó UBND thị trấn Diêm Điền chưa làm các thủ tục tiếp theo để công nhận biên bản hòa giải đó theo quy định tại Thông tư 04/2006/TTLT ngày 13/6/2006 về công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền sử dụng đất và ông Th cũng thay đổi ý kiến không đồng ý với việc hòa giải do đó kết quả hòa giải của UBND thị trấn D Đ, huyện Th Th chưa có hiệu lực nhưng đây cũng là một căn cứ để xác định di sản thừa kế của cụ Nh, cụ Ph. Vì vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích tăng thêm 156,6m² đất như hiện tại là do cụ Ph, cụ Nh coi nói để xác định toàn bộ diện tích đất 486,6m² là di sản thừa kế là hoàn toàn có căn cứ.

[2.3] Về cách chia di sản thừa kế của Tòa án cấp sơ thẩm: Bà H, bà H1, bà S, ông M đều xác định cụ Ph và cụ Nh chết không để lại di chúc; ông Th khai trước khi bố mẹ ông chết có di chúc bằng miệng là chia di sản thừa kế thành ba phần cho ông Th, ông M, bà S nhưng việc di chúc bằng miệng này chỉ có vợ chồng ông Th chứng kiến. Như vậy theo quy định của pháp luật cụ Ph, cụ Nh trước khi chết không để lại di chúc, di sản thừa kế của hai cụ được phân chia theo pháp luật. Theo ý kiến của Phòng tài nguyên và môi trường huyện Th Th do không xác định được ranh giới giữa đất ở và đất LNK nên đề nghị chia đều đất ở và đất lâu năm khác. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ph, cụ Nh gồm bà H1, bà S, ông Th, bà H, ông M và chia đều cho mỗi người được hưởng 66m² đất ở và 31,32m² đất LNK đồng thời chia dựa trên hiện trạng đất của các hộ đang quản lý, sử dụng là có cơ sở.

[2.4] Đối với công quật lập đất và tôn tạo di sản: phần diện tích tăng lên 156,6m² đất chủ yếu là về phía đông của thửa đất, trên diện tích đất này ông Th xây móng nhà, đến năm 1992 thì xây nhà và các công trình trên đất, quá trình sử dụng có tôn tạo (lấp hố vôi) và bảo quản di sản, do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã tính đến công sức tôn tạo, bảo quản di sản cho ông Th là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn Th, giữ nguyên án sơ thẩm về cách phân chia. Tuy nhiên, theo cách tuyên của cấp sơ thẩm thì phần diện tích đất của bà H còn thiếu 0,46m² so với tiêu chuẩn được hưởng, phần của ông M thừa ra 0,46m² (phần thanh toán bằng giá trị), nhưng tại phiên tòa bà H vẫn chấp nhận theo quyết định của bản án sơ thẩm, do đó HĐXX cần giữ nguyên.

Ngoài ra, trên phần diện tích đất án sơ thẩm chia cho bà H có một phần mái tôn nhà ông M xây dựng, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hai cấp ông M cam kết sẽ tự nguyện tháo dỡ và không yêu cầu thanh toán, tuy nhiên cấp sơ thẩm chưa đề cập đến vấn đề này, vì vậy cần sửa án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của ông Th không được chấp nhận, nhưng do ông Th thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn Th

Áp dụng Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 609; 611; 612; 613; 614; 623; 649; 650, 651; 660 Bộ luật dân sự 2015

1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nh và cụ Ph được hưởng di sản thừa kế là: bà Trần Thị H, ông Trần Văn Th, bà Trần Thị S, ông Trần Quốc M (tên gọi khác là B), bà Trần Thị H1.

2. Công nhận di sản của cụ Nh, cụ Ph là diện tích 486,6m² đất trong đó 330m² đất ở và 156,6m² đất LNK tại thửa đất số 23 và thửa số 24 tờ bản đồ 7 khu 6 thị trấn D Đ huyện Th Th, tỉnh Thái Bình trị giá: 1.162.047.000đồng được chia theo pháp luật, kỹ phần mỗi người được hưởng là trị giá: 232.409.000đồng.

Di sản thừa kế được chia như sau:

- Chia cho ông M hưởng di sản thừa kế là diện tích 91,7m² đất trị giá: 232.151.000đồng trong đó 66 m² đất ở và 25,7m² đất LNK còn thiếu 5,62m² đất LNK tương đương 252.000đồng (trên đất vợ chồng ông M đã xây dựng nhà 2 tầng kiên cố có tứ cận (có sơ đồ kèm theo)

Cạnh bắc giáp ngõ đi chung dài: 4,57m

Cạnh nam giáp ngõ và đất nhà ông M1 dài: 3,77m +0,83m

Cạnh tây giáp ngõ nhỏ dài: 19,39m

Cạnh đông giáp đất trống (bà H) dài: 20,29m

- Chia cho bà H hưởng di sản thừa kế là diện tích 81m² đất trị giá: 231.474.000đồng trong đó 66m² đất ở và 15m² đất LNK (còn thiếu 16,32m² đất LNK tương đương 734.000đồng). Trên đất còn bức tường cũ nhà cụ Nh, 01 cổng sắt nhỏ, 01 mái tôn nhà ông M, có sơ đồ kèm theo.

Cạnh bắc giáp ngõ đi chung dài: 4,12m

Cạnh nam giáp ngõ và đất nhà ông M1 dài: 3,75m

Cạnh tây giáp ông M dài: 20,29m

Cạnh đông giáp đất (bà S): 21,17m

Ông M có trách nhiệm tháo dỡ mái tôn có diện tích nằm trên phần diện tích đất của bà H để trả lại mặt bằng khi có yêu cầu.

- Chia cho bà S hưởng di sản thừa kế là diện tích 99,7m² đất trị giá: 232.516.000đồng trong đó 66m² đất ở và 33,7m² đất LNK (thừa 2,38m² đất LNK tương đương 107.000đồng). Trên đất bà S xây 01 nhà mái, công trình phụ có tứ cận (có sơ đồ kèm theo)

Cạnh bắc giáp ngõ đi chung dài: 4,41m

Cạnh nam giáp ngõ và đất nhà ông M1 dài: 4,74m

Cạnh tây giáp bà H dài: 1,17m

Cạnh đông giáp đất (ông Th) dài: 13,97m + 8,46m

- Chia cho ông Th hưởng di sản thừa kế là diện tích 110,8m² đất trị giá: 233.016.000đồng trong đó 66m² đất ở và 44,8m² đất LNK (thừa 13,48m² đất LNK tương đương 606.000đồng). Trên đất ông Th có nhà mái bằng 1 tầng, 01 công trình phụ có tứ cận (có sơ đồ kèm theo)

Cạnh bắc giáp ngõ đi chung dài: 4,59m

Cạnh nam giáp ngõ và đất nhà ông M1 dài 0,82m + 1,6m + 1,92m + 0,39m + 0,92m

Cạnh tây giáp bà S dài: 13,97m + 8,46m

Cạnh đông giáp đất (bà H1) dài: 15,21m + 8,27m

- Chia cho bà H1 hưởng di sản thừa kế là diện tích 103,4m² đất trị giá: 232.638.000đồng trong đó 66m² đất ở và 37,4m² đất LNK (thừa 6,08m² đất LNK tương đương 273.000đồng). Trên đất có 01 cây bưởi, 01 nhà cũ, 01 bếp, 01 giếng, có tứ cận có sơ đồ kèm theo.

Cạnh bắc giáp ngõ đi chung dài: 3,41m

Cạnh nam giáp ngõ và đất nhà ông M1 dài: 3,85m + 1,2m + 1,35m

Cạnh tây giáp ông Th : 15,21m + 8,22m

Cạnh đông giáp đất (bà Tuyn, ông Tuấn Hương) dài: 3,38m + 8,31m + 4,7m + 6,07m

3. Về chi phí tố tụng và các vấn đề khác: Chi phí định giá là 2.000.000đ, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000đồng, chi phí thuê Công ty TNHH Lạc Việt hỗ trợ đo đạc là 6.500.000đồng được chia đều theo kỹ phần mỗi người phải chịu 1.900.000đồng (bà H đã nộp tạm ứng 9.500.000đồng)

Bà H1 phải thanh toán cho ông Th 11.250.000đồng (tiền công quật lập và tôn tạo di sản), thanh toán cho ông Th và bà L 7.206.000đồng (giá trị tài sản trên đất), thanh toán cho ông M 273.000đồng tương đương thừa 6,08m² đất LNK), thanh toán cho bà H 1.900.000đồng (chi phí tố tụng)

Ông M thanh toán cho ông Th 11.250.000đồng (tiền công quật lập và tôn tạo di sản), thanh toán cho bà H 1.900.000đồng (chi phí tố tụng)

Bà H thanh toán cho ông Th 11.250.000 (tiền công quật lập và tôn tạo di sản) đối trừ (606.000đồng tương đương thừa 13,48m² đất LNK + 1.900.000đồng chi phí tổ tụng) còn phải thanh toán 8.744.000đồng

Bà S thanh toán cho ông Th 11.250.000đồng, (tiền công quật lập và tôn tạo di sản), thanh toán cho bà H 1900.000đồng chi phí tổ tụng và 107.000đồng tương đương thừa 2,38m² đất LNK

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

-Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;

- Tòa án, Chi cục Thi hành án nhân dân

h Th Th;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ vụ án

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Hải Yến